



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Luân	Chủ tịch
Ông Bùi Nhật Truyền	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên
Bà Phạm Thị Anh Thư	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban
Bà Tạ Thị Huệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Nhật Truyền	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Hưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Khánh	Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán

Người đại diện pháp luật của Công ty là Ông Bùi Nhật Truyền và Ông Nguyễn Duy Luân.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Nhật Truyền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 886/2025/UHY – BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Chúng tôi đã Soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Vấn đề đến xử lý và bàn giao tàu Đông Mai

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và thuyết minh số 19, kể từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) (ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân hàng TMCP Hàng hải). Từ thời điểm này, Công ty không tiếp tục ghi nhận chi phí lãi vay phải trả và trích khấu hao tài sản cố định đối với con tàu. Tổng số lãi vay và khấu hao tại thời điểm ngừng ghi nhận lần lượt là hơn 713,6 triệu đồng và hơn 718,2 triệu đồng. Giá trị gốc vay và lãi vay phải trả liên quan đến con tàu là hơn 291 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả dài hạn khác, trong khi giá trị còn lại của tàu Đông Mai là hơn 158,7 tỷ đồng hiện được theo dõi trên khoản mục Phải thu dài hạn khác.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp)

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến xử lý khoản nợ vay nêu trên (ngoài biên bản bàn giao tài sản), do đó chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý của việc Công ty tạm dừng ghi nhận chi phí lãi vay phải trả, trích khấu hao tài sản cố định cũng như việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định đối với tàu Đông Mai.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề được nêu tại “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.4, tại 30/06/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là hơn 945,798 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 951,152 tỷ đồng), vốn chủ sở hữu âm hơn 809,427 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 814,782 tỷ đồng), các khoản Vay và nợ thuê tài chính đều đã quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2024, Công ty đã ký kết hai thỏa thuận tái cơ cấu nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), theo đó DATC mua lại các khoản nợ từ các ngân hàng cho vay. Một thỏa thuận đã hoàn thành và Công ty đã ghi nhận kết quả xử lý nợ trong năm 2024; thỏa thuận còn lại đang trong quá trình thực hiện và dự kiến sẽ được giảm trừ nợ khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tạo lợi nhuận hàng năm trên cơ sở tái cấu trúc tài sản và nợ phải trả, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ.

Do vậy, Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục.

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến kết luận đã trình bày.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.575.648.754	90.635.486.326
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.569.884.439	7.470.001.386
Tiền	111		6.569.884.439	7.470.001.386
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.048.291.243	40.652.919.353
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.637.001.104	26.057.500.224
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.910.046.251	1.635.922.622
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.292.346.502	12.959.496.507
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.791.102.614)	-
Hàng tồn kho	140	10	6.765.808.031	11.420.674.238
Hàng tồn kho	141		6.765.808.031	11.420.674.238
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.191.665.041	31.091.891.349
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	407.763.407	1.033.885.042
Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.781.909.768	30.056.014.441
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.991.866	1.991.866
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.252.353.344	325.884.187.079
Các khoản phải thu dài hạn	210		158.710.066.366	168.125.905.791
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	8.314.367.406
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	-	571.391.601
Phải thu dài hạn khác	216	8	158.710.066.366	161.031.249.398
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(1.791.102.614)
Tài sản cố định	220		92.777.127.917	112.103.132.100
Tài sản cố định hữu hình	221	11	92.777.127.917	112.103.132.100
- Nguyên giá	222		904.217.295.375	1.092.718.859.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(811.440.167.458)	(980.615.727.758)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.195.534.354	17.195.534.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	17.195.534.354	17.195.534.354
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.800.000.000	1.800.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		1.800.000.000	1.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		55.300.000.000	55.300.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(55.300.000.000)	(55.300.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		17.769.624.707	26.659.614.834
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.769.624.707	26.659.614.834
TỔNG TÀI SẢN	270		371.828.002.098	416.519.673.405

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.181.255.893.150	1.231.301.986.982
Nợ ngắn hạn	310		526.312.385.604	60.146.219.143
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	34.374.818.695	21.671.003.649
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.869.228.113	2
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	32.819.841	347.368.948
Phải trả người lao động	314		7.486.589.769	10.627.180.810
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	325.037.564.459	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.744.760.826	6.801.152.968
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.811.284.308	1.053.548.856
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	145.954.075.683	19.644.720.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.243.910	1.243.910
Nợ dài hạn	330		654.943.507.546	1.171.155.767.839
Phải trả người bán dài hạn	331	14	-	10.675.021.971
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	15	-	1.869.228.113
Chi phí phải trả dài hạn	333	18	-	317.541.824.691
Phải trả dài hạn khác	337	19	291.888.287.522	297.445.773.084
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	363.055.220.024	543.623.919.980
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(809.427.891.052)	(814.782.313.577)
Vốn chủ sở hữu	410	20	(809.427.891.052)	(814.782.313.577)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.444.950.000	122.444.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.444.950.000	122.444.950.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.621.485.000	4.621.485.000
Cổ phiếu quỹ	415		(30.000)	(30.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.303.967.442	9.303.967.442
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(945.798.263.494)	(951.152.686.019)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(951.152.686.019)	(968.387.495.328)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.354.422.525	17.234.809.309
TỔNG NGUỒN VỐN	440		371.828.002.098	416.519.673.405

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

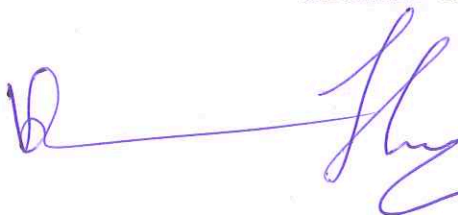
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	120.270.386.629	113.866.770.383
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.270.386.629	113.866.770.383
Giá vốn hàng bán	11	22	137.193.386.562	143.496.535.688
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(16.922.999.933)	(29.629.765.305)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.930.328.124	591.845.092
Chi phí tài chính	22	24	11.642.412.175	57.825.228.744
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.886.696.240</i>	<i>42.025.317.073</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.513.530.966	8.544.696.777
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(32.148.614.950)	(95.407.845.734)
Thu nhập khác	31	26	37.928.921.253	24.420.371.383
Chi phí khác	32	27	425.883.778	1.149.676.544
Lợi nhuận khác	40		37.503.037.475	23.270.694.839
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.354.422.525	(72.137.150.895)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.354.422.525	(72.137.150.895)

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

**Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán**

Tổng Giám đốc





Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
			VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	01		5.354.422.525	(72.137.150.895)
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.326.004.183	24.067.885.576
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		755.715.935	14.596.667.323
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(37.932.085.054)	(543.582.592)
Chi phí lãi vay	06		10.886.696.240	42.025.317.073
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.609.246.171)	8.009.136.485
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.294.572.208	5.366.069.373
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.654.866.207	(2.899.437.922)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.199.456.072)	15.675.506.212
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.516.111.762	(3.058.359.235)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.093.675.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.656.847.934	21.999.239.741
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		37.927.777.778	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(42.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.307.276	708.062.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.932.085.054	(21.791.937.957)
Tiền thu từ đi vay	33		-	400.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.733.334.000)	(28.333.520.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(51.733.334.000)	(27.933.520.828)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(144.401.012)	(27.726.219.044)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	7.470.001.386	34.532.349.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(755.715.935)	(399.001.602)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	6.569.884.439	6.407.129.132

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng hải Đông đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105253 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 122.444.950.000 đồng chia thành 12.244.495 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 35 là người (tại ngày 31/12/2024 là 42 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật;
- Đại lý hàng hóa;
- Đại lý môi giới và vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Cung ứng thuyền viên (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con			
- Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	72%	72%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	49%	49%	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, sửa chữa máy móc thiết bị, dịch vụ vệ sinh tàu biển, đóng tàu và cấu kiện nổi, dịch vụ môi giới hàng hải; Vận tải hàng hóa Container bằng đường biển trong nước và quốc tế, dịch vụ logistics
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	21%	21%	

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Số 21, Võ Thị Sáu, Hải Phòng
Chi nhánh Hồ Chí Minh	62 Bis, Huỳnh Thúc Kháng, Phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.4 GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 30/06/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là hơn 945,798 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 951,152 tỷ đồng), vốn chủ sở hữu âm hơn 809,427 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 814,782 tỷ đồng), các khoản Vay và nợ thuê tài chính đều đã quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Năm 2024, Công ty đã ký kết hai thỏa thuận tái cơ cấu nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), theo đó DATC mua lại các khoản nợ từ các ngân hàng cho vay. Cụ thể:

- Thỏa thuận thứ nhất đã được Công ty hoàn thành trong năm 2024 và ghi nhận một phần thu nhập từ việc xử lý nợ.
- Thỏa thuận thứ hai được ký vào cuối năm 2024 và hiện đang trong quá trình thực hiện. Phần chênh lệch nợ gốc và lãi liên quan dự kiến sẽ được giảm trừ khi Công ty hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận này.

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tạo lợi nhuận hàng năm trên cơ sở tái cấu trúc tài sản và nợ phải trả, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ.

Do vậy, Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán và doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính riêng thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại ngày 30/06/2025, dự phòng đầu tư tài chính của Công ty là 55.300.000.000 đồng.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể, Công ty trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và các khoản chi cho việc mua tàu bay chưa hoàn thành và bàn giao. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa lớn đội tàu.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay và các khoản khác. Chi phí phải trả là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận chuyển đường thủy và các khoản doanh thu dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	335.337.225	425.055.958
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.234.547.214	7.044.945.428
Cộng	6.569.884.439	7.470.001.386

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	1.800.000.000	-	(*) 1.800.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	1.800.000.000	-	(*) 1.800.000.000	- (*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	55.300.000.000	(55.300.000.000)	(*) 55.300.000.000	(55.300.000.000) (*)
+ Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	49.000.000.000	(49.000.000.000)	(*) 49.000.000.000	(49.000.000.000) (*)
+ Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*) 6.300.000.000	(6.300.000.000) (*)
Cộng	57.100.000.000	(55.300.000.000)	(*) 57.100.000.000	(55.300.000.000) (*)

(*) Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các Công ty được góp vốn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Khoản đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tình trạng hoạt động
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	Số 21 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	72%	72%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	Đang hoạt động
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	Thôn Trung, Xã Phục Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	49%	49%	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, sửa chữa máy móc thiết bị, dịch vụ vệ sinh tàu biển, đóng tàu và cấu kiện nổi, dịch vụ môi giới hàng hải	Đang hoạt động
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Số 4A Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	21%	21%	Vận tải hàng hóa Container bằng đường biển trong nước và quốc tế, dịch vụ logistics,...	Đã dừng hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	28.637.001.104	(1.791.102.614)	26.057.500.224	-
- Vina Bridge Shipping Co.,Ltd	757.150.720	-	5.801.727.586	-
- Hemisphere Trading and Transport Co.,Ltd	-	-	3.649.258.738	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	-	-	2.004.677.253	-
- Toma International Shipping Co.,Ltd	240.068.133	-	5.629.569.061	-
- Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	-	-	2.126.672.280	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	3.205.078.064	-	3.205.078.064	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Quốc tế ITC	6.379.228.035	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại NCL	8.784.207.769	-	-	-
- Các khoản khác	9.271.268.383	(1.791.102.614)	3.640.517.242	-
Dài hạn	-	-	8.314.367.406	(1.791.102.614)
- Vina Bridge Shipping Co.,Ltd	-	-	2.037.352.041	(355.606.229)
- Các khoản khác	-	-	6.277.015.365	(1.435.496.385)
Cộng	28.637.001.104	(1.791.102.614)	34.371.867.630	(1.791.102.614)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.910.046.251	-	1.635.922.622	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	3.385.491.389	-	165.310.200	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại và Sản xuất Giang Châu	376.241.721	-	694.191.000	-
- Các khoản khác	2.148.313.141	-	776.421.422	-
Dài hạn	-	-	571.391.601	-
- Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	-	-	100.000.000	-
- Zeros Shipping Co., LTD.	-	-	81.588.435	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Tài nguyên nước	-	-	60.000.000	-
- Các khoản khác	-	-	329.803.166	-
Cộng	5.910.046.251	-	2.207.314.223	-

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.292.346.502	-	12.959.496.507	-
- Tạm ứng	4.150.790.242	-	9.395.931.535	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	180.230.000	-	30.000.000	-
- Các khoản khác	2.961.326.260	-	3.533.564.972	-
Dài hạn	158.710.066.366	-	161.031.249.398	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	-	-	120.230.000	-
- Giá trị còn lại của Tàu Đóng Mai (*)	158.710.066.366	-	158.710.066.366	-
- Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinaline	-	-	1.245.722.926	-
- Các khoản phải thu khác	-	-	955.230.106	-
Cộng	166.002.412.868	-	173.990.745.905	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỎ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(*) Kể từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) (ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân hàng TMCP Hàng Hải). Từ thời điểm này, Công ty không tiếp tục ghi nhận chi phí lãi vay phải trả và trích khấu hao tài sản cố định đối với con tàu. Tổng số lãi vay và khấu hao tại thời điểm ngừng ghi nhận lần lượt là hơn 713,6 triệu đồng và hơn 718,2 triệu đồng. Giá trị gốc vay và lãi vay phải trả liên quan đến con tàu là hơn 291 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả dài hạn khác, trong khi giá trị còn lại của tàu Đông Mai là hơn 158,7 tỷ đồng hiện được theo dõi trên khoản mục Phải thu dài hạn khác.

9. NỢ XẤU

	30/06/2025			01/01/2025		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH Vận Tải Thành Cường	22.912.500	-	(22.912.500)	22.912.500	-	(22.912.500)
- Vina Bridge Shipping Co., Ltd	355.606.229	-	(355.606.229)	355.606.229	-	(355.606.229)
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô	797.459.392	-	(797.459.392)	797.459.392	-	(797.459.392)
- Mihaud International Co., Ltd	10.216.500	-	(10.216.500)	10.216.500	-	(10.216.500)
- Shui Fong Pte., Ltd	21.634.334	-	(21.634.334)	21.634.334	-	(21.634.334)
- SL Shipping Land Pte., Ltd	583.273.659	-	(583.273.659)	583.273.659	-	(583.273.659)
Cộng	1.791.102.614	-	(1.791.102.614)	1.791.102.614	-	(1.791.102.614)

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.765.808.031	-	11.420.674.238	-
Cộng	6.765.808.031	-	11.420.674.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	27.327.243.509	1.065.057.144.249	334.472.100	1.092.718.859.858
- Thanh lý, nhượng bán	-	(188.501.564.483)	-	(188.501.564.483)
30/06/2025	27.327.243.509	876.555.579.766	334.472.100	904.217.295.375
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2025	(13.315.764.495)	(966.965.491.163)	(334.472.100)	(980.615.727.758)
- Khấu hao trong kỳ	(372.707.712)	(18.953.296.471)	-	(19.326.004.183)
- Thanh lý, nhượng bán	-	188.501.564.483	-	188.501.564.483
30/06/2025	(13.688.472.207)	(797.417.223.151)	(334.472.100)	(811.440.167.458)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	14.011.479.014	98.091.653.086	-	112.103.132.100
30/06/2025	13.638.771.302	79.138.356.615	-	92.777.127.917

Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình tại 30/06/2025 dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 97.991.532.300 đồng (Tại 01/01/2025 là 97.991.532.300 đồng).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 30/06/2025 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 309.202.373.690 đồng (Tại 01/01/2025 là 309.202.373.690 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.195.534.354	17.195.534.354
- Giá trị ụ nổi	17.195.534.354	17.195.534.354
Cộng	17.195.534.354	17.195.534.354

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	407.763.407	1.033.885.042
- Chi phí bảo hiểm	407.763.407	1.033.885.042
- Các khoản khác	-	-
b) Dài hạn	17.769.624.707	26.659.614.834
- Chi phí sửa chữa lớn - Đội tàu	17.769.624.707	26.659.614.834
Cộng	18.177.388.114	27.693.499.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	34.374.818.695	34.374.818.695	21.671.003.649	21.671.003.649
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quốc tế Đại Minh	7.566.735.738	7.566.735.738	5.890.566.148	5.890.566.148
- KPI Bridge Oil Ltd	-	-	3.417.190.740	3.417.190.740
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)	1.655.897.691	1.655.897.691	1.655.897.691	1.655.897.691
- Công ty TNHH Alberta Việt Nam	954.846.480	954.846.480	1.012.450.000	1.012.450.000
- VINABRIDGE SHIPPING CO., LTD	-	-	3.644.658.518	3.644.658.518
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	2.274.545.856	2.274.545.856	1.985.540.400	1.985.540.400
- Hemisphere Trading Transport Co., Ltd	4.222.149.750	4.222.149.750	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	1.597.958.370	1.597.958.370	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	1.098.520.200	1.098.520.200	-	-
- Các khoản khác	15.004.164.610	15.004.164.610	4.064.700.152	4.064.700.152
Dài hạn	-	-	10.675.021.971	10.675.021.971
- Hemisphere Trading Transport Co., Ltd	-	-	4.222.149.750	4.222.149.750
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	-	-	1.597.958.370	1.597.958.370
- Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	-	-	1.098.520.200	1.098.520.200
- Các khoản khác	-	-	3.756.393.651	3.756.393.651
Cộng	34.374.818.695	34.374.818.695	32.346.025.620	32.346.025.620

Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.869.228.113	1.869.228.113	2	2
- Kansai Steam Ship Co., Ltd	1.519.751.442	1.519.751.442	-	-
- Các khoản khác	349.476.671	349.476.671	2	2
Dài hạn	-	-	1.869.228.113	1.869.228.113
- Kansai Steam Ship Co., Ltd	-	-	1.519.751.442	1.519.751.442
- SGM Co., Ltd	-	-	276.195.690	276.195.690
- Các khoản khác	-	-	73.280.981	73.280.981
Cộng	1.869.228.113	1.869.228.113	1.869.228.115	1.869.228.115

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số phải nộp trong kỳ	Giá trị	Số đã thực nộp trong kỳ	Giá trị	Số đã thực thu trong kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	287.274.434	580.075.396	846.228.621	21.121.209		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	60.094.514	72.374.188	120.770.070	11.698.632		
- Thuế thu nhập cá nhân	347.368.948	652.449.584	966.998.691	32.819.841		
Cộng						
	01/01/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu trong kỳ	30/06/2025		
	VND	VND	VND	VND		
Thuế và các khoản phải thu	1.991.866	3.000.000	3.000.000	1.991.866		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.991.866	3.000.000	3.000.000	1.991.866		
Cộng						

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIAO NHẬN 2017 (tiếp),
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2025			Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	145.954.075.683	145.954.075.683		130.035.365.956	3.726.010.273	19.644.720.000	19.644.720.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	145.954.075.683	145.954.075.683		130.035.365.956	3.726.010.273	19.644.720.000	19.644.720.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở	16.400.010.000	16.400.010.000		10.000	1.200.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000
giao dịch (1)							
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt	22.466.669.200	22.466.669.200		22.466.669.200	-	-	-
Nam - DATC (2)							
+ Ngân hàng TNHH Indovina (3)	107.087.396.483	107.087.396.483		107.568.686.756	2.526.010.273	2.044.720.000	2.044.720.000
Vay dài hạn	363.055.220.024	363.055.220.024		-	180.568.699.956	543.623.919.980	543.623.919.980
Dài hạn	363.055.220.024	363.055.220.024		-	180.568.699.956	543.623.919.980	543.623.919.980
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở	-	-		-	10.000	10.000	10.000
giao dịch (1)							
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt	363.055.220.024	363.055.220.024		-	73.000.003.200	436.055.223.224	436.055.223.224
Nam - DATC (2)							
- Ngân hàng TNHH Indovina (3)	-	-		-	107.568.686.756	107.568.686.756	107.568.686.756
Cộng	509.009.295.707	509.009.295.707		130.035.365.956	184.294.710.229	563.268.639.980	563.268.639.980

- (1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2006/HĐTD và 06/2006/HĐTD với hạn mức tín dụng lần lượt là 81.000.000.000 VND và 122.778.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm. Tài sản đảm bảo là Tàu Đông Ba và Tàu Đông Phú.
- (2) Ngày 28/10/2024, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch và Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 32/2024/HĐMBN-DATC-AGRIBANK, theo đó DATC nhận mua lại khoản nợ của Công ty tại Agribank – Chi nhánh Sở Giao dịch với giá trị 160 tỷ đồng. Khoản nợ này được đảm bảo bằng các tài sản: Tàu Đông Phong (đổi tên thành Tàu Đông Thịnh), Tàu Đông Thanh (đổi tên thành Tàu Đông Minh), Tàu Đông Phú, Tàu Đông An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Trong kỳ, Công ty đã thanh lý Tàu Đông Phong và tàu Đông An, toàn bộ số tiền thu được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ nợ đối với DATC.

(3) Đây là phần dư nợ phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/IVBDD-PVFC/HDDTT/2008 ký ngày 07/03/2008 giữa Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đống Đa (IVB – ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (PVcombank – ngân hàng hợp vốn) về việc cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đỏ. Sau khi IVB đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần cho vay của mình cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo thỏa thuận mua bán nợ số 01/2024/HĐMBN-DATC-IVB ngày 12/01/2024, phần nghĩa vụ cho vay này vẫn được tiếp tục duy trì với PVcombank theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Thuyết minh chi tiết số dư vay:

Số hợp đồng	Thời hạn (năm)	Lãi suất	Đơn vị	Tổng giá trị khoản vay	Số dư theo nguyên tệ tại 30/06/2025	Giá trị Quy đổi VND tại 30/06/2025	Trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả (Quy đổi VND)	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch								
01/2006/HĐTD	10	7,80%	VND	81.000.000.000	-	16.400.000.000	16.400.000.000	Thế chấp tàu Đông Ba
06/2006/HĐTD	11	7,80%	VND	122.778.000.000	-	10.000	10.000	
(2) Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (Ngân hàng TNHH Indovina)								
2037/IVBDD- HDNH/2008	9	Sibor 6 tháng + 2,2%/năm	Sibor	12.665.000	4.288.642,23	107.087.396.483	107.087.396.483	Thế chấp tàu Đông Du
(3) Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam -DATC								
	3	7,4%	VND	496.055.223.233	-	385.521.889.224	22.466.669.200	Thế chấp tàu Đông Phú, tàu Đông Phong, tàu Đông An, tàu Đông Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	325.037.564.459	-
- Chi phí lãi vay phải trả	325.037.564.459	-
Dài hạn	-	317.541.824.691
- Chi phí lãi vay phải trả	-	317.541.824.691
Cộng	325.037.564.459	317.541.824.691

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	6.811.284.308	1.053.548.856
- Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	300.000.000	300.000.000
- Kinh phí công đoàn	862.126.895	636.100.956
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.649.157.413	117.447.900
Dài hạn	291.888.287.522	297.445.773.084
- Giá trị gốc và lãi vay phải trả Tàu Đông Mai (*)	291.030.252.528	291.030.252.528
- Bảo hiểm Pjico tạm ứng cho sự cố kè bờ Nhà máy sửa chữa thiết bị	-	5.532.374.371
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	858.034.994	883.146.185
Cộng	298.699.571.830	298.499.321.940

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

(*) Bao gồm cả gốc và lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank), Công ty đã chuyển khoản vay này sang theo dõi tại khoản mục Phải trả dài hạn khác khi thực hiện bàn giao tàu Đông Mai (xem thêm tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	CP		VND	VND	VND	VND
01/01/2024	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	9.303.967.442	(968.387.495.328)	(832.017.122.886)			
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.234.809.309	17.234.809.309			
31/12/2024	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	9.303.967.442	(951.152.686.019)	(814.782.313.577)			
01/01/2025	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	9.303.967.442	(951.152.686.019)	(814.782.313.577)			
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	5.354.422.525	5.354.422.525			
30/06/2025	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	9.303.967.442	(945.798.263.494)	(809.427.891.052)			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	59.965.730.000	49%	59.965.730.000	49%
Vốn góp của các đối tượng khác	62.479.220.000	51%	62.479.220.000	51%
Cộng	122.444.950.000	100%	122.444.950.000	100%

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	122.444.950.000	122.444.950.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	122.444.950.000	122.444.950.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.244.495	12.244.495
+ Cổ phiếu phổ thông	12.244.495	12.244.495
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3	3
+ Cổ phiếu phổ thông	3	3
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.244.492	12.244.492
+ Cổ phiếu phổ thông	12.244.492	12.244.492
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20.5 CÁC QUỸ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.303.967.442	9.303.967.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	118.689.112.553	112.284.799.137
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.581.274.076	1.581.971.246
Cộng	120.270.386.629	113.866.770.383

Doanh thu cung cấp dịch vụ của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	137.052.263.058	143.169.045.819
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp khác	141.123.504	327.489.869
Cộng	137.193.386.562	143.496.535.688

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.307.276	543.582.592
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.926.020.848	48.262.500
Cộng	3.930.328.124	591.845.092

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay	10.886.696.240	42.025.317.073
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.203.244.348
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	755.715.935	14.596.667.323
Cộng	11.642.412.175	57.825.228.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.452.021.314	5.529.225.915
- Chi phí vật liệu quản lý	123.553.064	156.840.719
- Chi phí đồ dùng văn phòng	85.560.231	137.692.951
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	281.644.662	378.676.652
- Thuế, phí và lệ phí	122.366.351	165.823.594
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.039.940.393	952.370.013
- Chi phí bằng tiền khác	1.408.444.951	1.224.066.933
Cộng	7.513.530.966	8.544.696.777

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Thanh lý tài sản	37.927.777.778	-
- Chênh lệch giá nhiên liệu bàn giao tàu cho thuê	-	884.850.726
- Tiền bồi thường bảo hiểm	-	819.357.059
- Tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng	-	22.666.878.597
- Các khoản khác	1.143.475	49.285.001
Cộng	37.928.921.253	24.420.371.383

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
- Chênh lệch giá nhiên liệu bàn giao tàu cho thuê	425.883.778	1.120.814.490
- Các khoản chi phí khác	-	28.862.054
Cộng	425.883.778	1.149.676.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	25.938.858.189	36.736.626.999
- Chi phí nhân công	30.710.324.646	33.755.388.653
- Khấu hao tài sản cố định	19.326.004.183	24.067.885.576
- Thuế phí và lệ phí	122.366.351	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.922.951.628	54.069.510.244
- Chi phí bằng tiền khác	8.686.412.531	3.411.820.993
	144.706.917.528	152.041.232.465

29. THÔNG TIN KHÁC**29.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô	Công ty con
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Công ty liên kết

Số dư với bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô	151.200.000	226.800.000
Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines - Đông Đô	97.685.000	97.685.000
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	24.850.000	24.850.000
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông	797.459.392	797.459.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**29.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị		347.930.000	209.128.000
Ông Nguyễn Duy Luân	Chủ tịch HĐQT	227.930.000	109.901.000
Ông Trần Quang Toàn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	17.045.000
Bà Phạm Thị Anh Thư	Thành viên HĐQT	30.000.000	10.182.000
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên HĐQT	30.000.000	24.000.000
Ông Bùi Nhật Truyền	Thành viên HĐQT	30.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000.000	24.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc		572.557.000	675.241.888
Ông Bùi Nhật Truyền	Tổng Giám đốc	207.662.000	175.138.000
Ông Nguyễn Duy Luân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	114.318.888
Ông Bùi Đình Hương	Phó Tổng Giám đốc	179.474.000	206.857.000
Ông Đỗ Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc	185.421.000	178.928.000
Thù lao Ban Kiểm soát		78.000.000	59.818.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	10.182.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	13.636.000
Bà Tạ Thị Huệ	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Cộng		998.487.000	944.187.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trần Kim Ân

Trưởng Phòng
Tài chính - Kế toán

Trần Sỹ Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Nhật Truyền